

VAI TRÒ CỦA KHỐI KIẾN THỨC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TRONG ĐÀO TẠO SINH VIÊN KHỐI KỸ THUẬT TẠI ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ CHÂU

Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 12/6/2026. Sửa chữa xong 20/7/2026. Duyệt đăng 24/7/2026.

Abstract

Social sciences and humanities (SSH) constitute an integral component of engineering education; however, engineering students often pay insufficient attention to these subjects. Focusing on Hanoi University of Science and Technology, this study examines the role of SSH knowledge based on a survey of 126 first-year students, document analysis, and observations made during the teaching process. The findings indicate that students primarily recognize the value of SSH courses in developing essential competencies, particularly critical thinking, communication, teamwork, and awareness of professional ethics. By contrast, relatively few students perceive a direct connection between these courses and their engineering disciplines. This gap provides a basis for discussing several approaches to strengthening the integration of SSH and technical education.

Keywords: Competencies, comprehensive education, critical thinking, education, Hanoi University of Science and Technology, humanities, social sciences.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đánh giá cao những sinh viên (SV) kỹ thuật có khả năng thích ứng với môi trường làm việc hơn là kết quả học tập họ đạt được. Nghĩa là, bên cạnh năng lực chuyên môn, người kỹ sư cần có tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm. Điều này đã và đang đặt ra thách thức với giáo dục đại học. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT đã xác định chương trình đào tạo cần phải hướng tới phát triển đồng thời kiến thức, năng lực và phẩm chất của người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Ở phạm vi quốc tế, OECD cũng có nhấn mạnh người học cần được chuẩn bị để thích ứng với những thay đổi của khoa học, công nghệ và xã hội thông qua việc hình thành những năng lực mang tính chuyển đổi (OECD, 2019).

Trong thực tế, các trường kỹ thuật vẫn ưu tiên đào tạo chuyên môn. Phần lớn SV kỹ thuật bước vào đại học vẫn mang theo thói quen giải bài tập, tìm đáp án đúng, thường ngại đặt câu hỏi ngược lại. Cách học này giúp các em tiếp cận nhanh với Toán, Lý, Hóa nhưng lại gặp khó khăn khi phải làm việc nhóm, thuyết trình hay giải quyết những vấn đề xã hội. Trong quá trình giảng dạy, tác giả nhận thấy có SV học tốt các môn chuyên ngành nhưng lại gặp lúng túng khi làm đồ án hoặc đi thực tập tại doanh nghiệp. Các em thường thiếu tự tin khi giao tiếp, chưa quen làm việc nhóm và còn hạn chế về tác phong nghề nghiệp. Những điểm này ảnh hưởng khá rõ khi SV làm việc trong môi trường có nhiều bộ phận cùng phối hợp (Trần Khánh Đức, 2014).

Ở Đại học Bách khoa (ĐHBK) Hà Nội, các học phần Khoa học Xã hội và Nhân văn (KHXH&NV) trong chương trình đào tạo kỹ sư thường vẫn bị xem như môn phụ, học để tích lũy tín chỉ cho đủ điểm và chưa được quan tâm đúng mức nhưng qua quá trình giảng dạy, tác giả nhận thấy các học phần này có tác động nhất định đến cách SV nhìn nhận vấn đề, trao đổi với người khác và ý thức hơn về trách nhiệm nghề nghiệp. Bài viết sẽ trao đổi về vai trò của khối kiến thức KHXH&NV trong đào tạo SV tại ĐHBK Hà Nội, đồng thời đề xuất hướng phát triển hiệu quả của khối kiến thức này.

Email: chau.nguyenthi@hust.edu.vn

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp định tính thăm dò (qualitative exploratory study), kết hợp phân tích tài liệu và khảo sát thực tiễn ngay trong các lớp học tại ĐHBK Hà Nội. Cách làm này cho phép đối chiếu lý thuyết giáo dục về định hướng năng lực với trải nghiệm thực tế của SV năm thứ nhất, qua đó đưa ra nhận định mang tính gợi mở, không chỉ dừng ở số liệu.

2.1. Phân tích tài liệu

Nghiên cứu lựa chọn Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và Đề án đổi mới chương trình giáo dục đại cương của nhà trường làm tài liệu tham chiếu chính. Đây là những văn bản chính thức có tính pháp lý, quyết định trực tiếp tới mục tiêu và cấu trúc của khối kiến thức đại cương. Ngoài ra, nghiên cứu còn tham khảo một số công trình trong và ngoài nước về đào tạo kỹ sư, giáo dục dựa trên năng lực và mô hình CDIO với hai nội dung là vị trí của khối kiến thức KHXH&NV trong cấu trúc chuẩn đầu ra kỹ sư và mối liên hệ giữa năng lực xã hội - nhân văn và năng lực nghề nghiệp. Những nội dung này là nền tảng lý luận để phân tích dữ liệu thực tế qua khảo sát.

2.2. Khảo sát

Tác giả đã tiến hành khảo sát với 126 SV năm thứ nhất vào cuối học kỳ I năm học 2024-2025. Đây là những SV đang học học phần KHXH&NV do tác giả giảng dạy, thuộc ba lớp học phần tại ĐHBK Hà Nội. Mẫu được chọn theo phương pháp thuận tiện, gồm các SV đang học ít nhất một học phần KHXH&NV trong học kỳ khảo sát và tự nguyện tham gia. Vì vậy, kết quả chỉ phản ánh nhóm SV được khảo sát. Tác giả thiết kế bảng hỏi dựa trên các nghiên cứu trước đây về giáo dục dựa trên năng lực và phát triển kỹ năng mềm trong đào tạo đại học (Biggs & Tang, 2011). Một số nội dung được điều chỉnh cho phù hợp với SV kỹ thuật năm thứ nhất của ĐHBK Hà Nội.

Bảng hỏi gồm 6 câu hỏi đóng, sử dụng thang đo Likert 5 mức (1 = Hoàn toàn không đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý). Câu 1 và 3 khảo sát nhận thức của SV về vai trò của các học phần KHXH&NV. Câu 2 đánh giá kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Ba câu còn lại tìm hiểu sự thay đổi về nhận thức và thái độ sau khi hoàn thành học phần.

Dữ liệu được mã hóa và xử lý bằng thống kê mô tả. Kết quả trình bày theo tỷ lệ SV chọn mức 4 và 5 cho từng phát biểu. Một số quan sát trong quá trình giảng dạy cũng được dùng để hỗ trợ phân tích.

2.3. Quan sát và dữ liệu bổ trợ

Bên cạnh bảng hỏi, tác giả cũng ghi nhận một ý kiến của SV và đồng nghiệp qua trao đổi trực tiếp trong và sau giờ học. Đây chỉ là nguồn thông tin hỗ trợ làm rõ thêm kết quả không phải nguồn dữ liệu định tính chính thức.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Tổng quan nghiên cứu

Vai trò của khối kiến thức KHXH&NV trong đào tạo kỹ thuật không phải là chủ đề mới nhưng ngày càng cần thiết khi yêu cầu đối với nguồn nhân lực kỹ thuật ngày một toàn diện hơn. Điểm chung của các nghiên cứu cho rằng kiến thức chuyên môn, dù cần thiết, chưa đủ để đáp ứng yêu cầu của môi trường nghề nghiệp hiện nay. Nhiều SV kỹ thuật sau khi tốt nghiệp vẫn gặp khó khăn trong giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện và xử lý những vấn đề có liên quan đến xã hội. Mô hình CDIO khi áp dụng rộng rãi, kể cả ở ĐHBK Hà Nội, đã xác định năng lực cá nhân, giao tiếp và hiểu biết bối cảnh xã hội là thành tố quan trọng cho chuẩn đầu ra kỹ sư. National Academy of Engineering (2004), Vest (2008) và Sheppard và cộng sự (2009) cũng nhấn mạnh sự cần thiết của giáo dục nhân văn đối với đào tạo kỹ sư, đồng thời ghi nhận xu hướng tích hợp các nội dung về đạo đức nghề nghiệp, giao tiếp và phát triển cá nhân trong chương trình đào tạo. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về vấn đề này còn chưa nhiều. Trần Khánh Đức (2014) có đề cập đến yêu cầu đào tạo toàn diện trong giáo dục đại học nhưng chưa đi sâu vào vai trò cụ thể của khối kiến thức KHXH&NV tại một cơ sở đào tạo kỹ thuật cụ thể. Đây chính là khoảng trống mà nghiên cứu này hướng tới.

3.2. Cơ sở lý luận

Bài viết này dựa trên cách tiếp cận giáo dục định hướng phát triển năng lực. Theo OECD 2019, năng lực của người học được hình thành từ sự kết hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ. Theo cách tiếp cận này, khối kiến thức KHXH&NV vai trò hỗ trợ trong việc phát triển năng lực của SV kỹ thuật. Thông qua việc đọc tài liệu, thảo luận và trình bày ý kiến, các học phần KHXH&NV giúp SV rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm (Trần Khánh Đức, 2014; Phạm Tất Dong, 2010; Biggs & Tang, 2011). Ngoài việc phát triển kỹ năng cá nhân, các học phần KHXH&NV còn giúp SV hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa công nghệ và đời sống xã hội. Những kiến thức về pháp luật, con người và các vấn đề xã hội giúp nhận thức được rằng các giải pháp kỹ thuật không chỉ cần hiệu quả chuyên môn mà còn phải tính tới ảnh hưởng đối với cộng đồng. Điều này càng có ý nghĩa trong bối cảnh chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (UNESCO, 2015). Từ góc độ phát triển nghề nghiệp thì nền tảng xã hội - nhân văn còn hỗ trợ SV thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và thị trường lao động. Đây cũng là nhóm năng lực chuyển hóa được OECD (2019) xem là cần thiết đối với người học trong thế kỷ XXI.

3.3. Thực trạng triển khai khối kiến thức Khoa học Xã hội và Nhân văn tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Tại ĐHBK Hà Nội, khối kiến thức KHXH&NV được bố trí trong chương trình đào tạo đại cương, gồm các học phần như Triết học, Pháp luật đại cương, Kinh tế chính trị, Tâm lý học và một số học phần kỹ năng. Các học phần này chủ yếu được giảng dạy cho SV năm thứ nhất nhằm hỗ trợ người học thích nghi với môi trường đại học và tiếp cận những vấn đề cơ bản về xã hội, con người và nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều em vẫn ưu tiên các học phần chuyên ngành. Các môn KHXH&NV thường bị xem là học phần bổ trợ, học cho đủ yêu cầu của chương trình. Điều này thể hiện qua việc SV ít dành thời gian đọc tài liệu trước giờ học, tham gia thảo luận trên lớp còn hạn chế và ít khi chủ động bày tỏ quan điểm cá nhân.

Đặc điểm này khá phổ biến ở SV năm thứ nhất. Do mới chuyển từ bậc phổ thông sang đại học, nhiều em vẫn giữ thói quen học thiên về ghi nhớ và làm bài tập nên còn lúng túng khi phải đọc tài liệu, trao đổi hay trình bày quan điểm cá nhân. Không ít SV cho rằng những học phần này tương đối “dễ qua” nên chưa thực sự chú ý đến vai trò của chúng trong việc hình thành phương pháp học tập và những kỹ năng cần thiết cho giai đoạn học chuyên ngành sau này.

Để có thêm cơ sở thực tiễn cho những nhận định trên, tác giả đã tiến hành một khảo sát thăm dò với 126 SV năm thứ nhất tại ĐHBK Hà Nội vào cuối học kỳ I năm học 2024-2025. Kết quả được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1: Nhận thức của SV năm thứ nhất về vai trò của khối kiến thức KHXH&NV

TT	Câu hỏi khảo sát	% SV đồng ý
1	KHXH&NV hỗ trợ làm quen với phương pháp học tập đại học	68.3
2	KHXH&NV góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	72.2
3	KHXH&NV giúp hình thành tư duy phản biện và khả năng lập luận	64.5
4	Nhận thấy mối liên hệ trực tiếp giữa KHXH&NV và các học phần kỹ thuật chuyên ngành	41.3
5	Ban đầu xem các học phần KHXH&NV là “môn phụ”	57.1
6	Có sự thay đổi tích cực trong nhận thức sau khi hoàn thành học phần	59.8

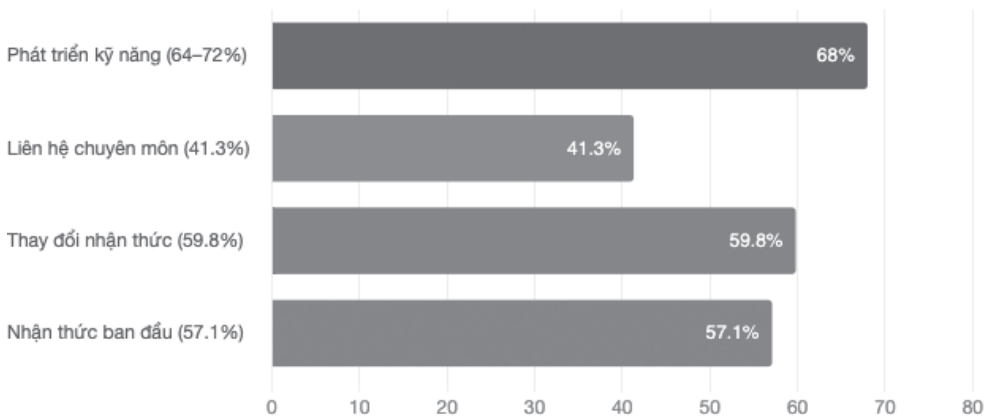
Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm được làm tròn đến một chữ số thập phân

Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm học 2024-2025

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV đánh giá khá tích cực về vai trò của KHXH&NV trong phát triển kỹ năng. Tỷ lệ đồng ý về vai trò KHXH&NV ở kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm là cao nhất (72,2%), tiếp theo là khả năng thích nghi với phương pháp học đại học (68,3%) và tư duy phản biện (64,5%). Chỉ 41,3% nhận thấy mối liên hệ với chuyên ngành. Đây là tỷ lệ thấp nhất. 57,1% ban đầu xem các môn này là “môn phụ”; nghĩa là thái độ học tập đã hình thành trước khi bắt đầu học, chứ không hẳn là kết quả của quá trình học. 59,8% SV nhận thấy nhận thức thay đổi tích cực sau một học kỳ nhưng sự chuyển biến vẫn chủ yếu ở mức “thừa nhận lợi ích chung,” chưa thực sự tích hợp rõ với chuyên ngành.

Tuy nhiên, mối liên hệ giữa nhóm học phần này với đào tạo kỹ sư vẫn chưa được nhận thức rõ. Kết quả này được khái quát trong bảng 2.

Bảng 2: Đối chiếu nhận thức giữa kỹ năng bổ trợ và khả năng tích hợp chuyên môn



Nhóm nội dung	Kết quả nổi bật	Hàm ý
Phát triển kỹ năng	64-72% SV ghi nhận cải thiện kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện và thích nghi	KHXXH&NV có tác động rõ ở cấp độ kỹ năng
Liên hệ với chuyên môn	41,3% SV nhận thấy liên hệ với học phần kỹ thuật	Tồn tại khoảng cách tích hợp liên ngành
Thay đổi nhận thức	59,8% SV có chuyển biến tích cực	Có tiềm năng cải thiện thái độ học tập
Nhận thức ban đầu	57,1% xem KHXXH&NV là “môn phụ”	Cần điều chỉnh cách tiếp cận giảng dạy

Các ý kiến thu được trong quá trình giảng dạy cũng cho thấy xu hướng tương tự. Một SV năm thứ nhất chia sẻ: “Ban đầu em chỉ học các môn KHXXH&NV cho đủ tín chỉ nhưng sau khi học em thấy mình tự tin hơn khi thảo luận và trình bày ý kiến trong các môn khác”. Một SV khác nhận xét các học phần này “giúp nhìn vấn đề kỹ thuật rộng hơn, không chỉ đúng hay sai về mặt công thức mà còn nghĩ đến người sử dụng và bối cảnh áp dụng”. Giảng viên nhận xét: SV tích cực tham gia thảo luận nhóm, thường trình bày ý tưởng rõ hơn, thích nghi tốt môi trường đại học (năm thứ nhất) và chủ động hơn cả trong học tập và hoạt động ngoại khóa. Thế nhưng, việc giảng dạy các học phần khối KHXXH&NV hiện vẫn khá tách biệt với các học phần chuyên ngành. Nội dung giảng dạy còn mang tính khái quát, thiếu ví dụ hay tình huống gắn với chuyên môn làm cho SV khó nhận ra mối liên hệ giữa kiến thức xã hội - nhân văn và các vấn đề nghề nghiệp cụ thể. Điều này cũng phù hợp với định hướng của Đề án đổi mới chương trình giáo dục đại cương của ĐHBK Hà Nội 2020, trong đó nhấn mạnh yêu cầu phát triển năng lực toàn diện bên cạnh kiến thức chuyên môn.

3.4. Thảo luận: Vai trò của Khoa học Xã hội và Nhân văn với sinh viên năm thứ nhất

Với SV năm nhất tại các trường kỹ thuật, giai đoạn đầu chuyển đổi từ phổ thông lên đại học là bước bản lề. Khối KHXXH&NV ngoài việc cung cấp kiến thức nền còn giúp tân SV thích nghi về tâm lý và kỹ năng ngay từ học kỳ đầu.

- Phần lớn SV năm thứ nhất bước vào ĐHBK Hà Nội với thói quen học thiên về giải bài tập và ghi nhớ kiến thức theo kiểu phổ thông. Các học phần KHXXH&NV, ở giai đoạn này sẽ có vai trò “cầu nối” giúp các em từng bước điều chỉnh phương pháp học tập từ học thuộc lòng sang phân tích, phản biện, tổng hợp thông tin. Những học phần như Triết học hay Pháp luật đại cương đòi hỏi đọc hiểu tài liệu, trình bày quan điểm và viết bài luận, qua đó hình thành các kỹ năng học thuật cần thiết cho giai đoạn học chuyên ngành sau này. Thêm nữa, các giờ học về xã hội thường tạo không gian thảo luận, trao đổi và chia sẻ, giúp SV “giãn nhịp” học tập căng thẳng, dễ khám phá bản thân và mối quan hệ xã hội.

- Việc tiếp cận sớm với khối kiến thức nhân văn cũng giúp SV tránh rơi vào tình trạng chỉ chăm chăm vào kỹ thuật mà quên lộ trình phát triển dài hạn của bản thân. Các em dần nhận ra công việc kỹ thuật không tách biệt mà luôn gắn với xã hội và con người. Học có mục tiêu rõ hơn, học không chỉ để qua

kỳ thi mà chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai. Các học phần về xã hội và kỹ năng giúp SV sớm nhận ra hạn chế trong giao tiếp, làm việc nhóm và quản lý cảm xúc. Đây cũng là cơ hội để các em rèn luyện kỹ năng mềm ngay năm thứ nhất (Phạm Tất Dong, 2010).

- Đào tạo đại học ngày nay hướng tới tính liên ngành. Việc học song song các môn kỹ thuật và KHXH&NV giúp SV làm quen với nhiều lối tư duy khác nhau. Bên cạnh tư duy logic của kỹ thuật, SV được tiếp cận với góc nhìn xã hội và con người. Điều này có ý nghĩa khi giải quyết những vấn đề thực tế, vốn không chỉ liên quan đến kỹ thuật mà còn chịu tác động của các yếu tố kinh tế và xã hội.

3.5. Đề xuất và khuyến nghị

Kết quả khảo sát và những quan sát thực tế trong quá trình giảng dạy cho thấy khối kiến thức KHXH&NV đã góp phần hỗ trợ SV phát triển kỹ năng học tập và kỹ năng mềm. Tuy nhiên, SV vẫn chưa thấy rõ được mối liên hệ giữa nhóm môn này với chuyên ngành. Từ thực tế đó, bài viết đề xuất 04 giải pháp như sau:

3.5.1. rà soát và tích hợp liên ngành trong thiết kế chương trình

Đại học cần chuyển từ mô hình “song hành độc lập” sang “tích hợp liên ngành”. Đạo đức nghề nghiệp và tác động xã hội nên lồng ghép trực tiếp vào các học phần dự án (Project-based learning). Việc mở thêm những môn tự chọn mới như “Kỹ năng giao tiếp”, “Tư duy phản biện”, “Đạo đức trong Trí tuệ nhân tạo” hay “Quản trị nhân sự cho kỹ sư”, “Tâm lý học hành vi trong thiết kế sản phẩm” sẽ giúp SV thấy rõ hơn tính ứng dụng của vốn nhân văn ngay trong chính lĩnh vực chuyên môn của mình. Thực tế giảng dạy cho thấy, có những nhóm SV vận dụng khá tốt tư duy liên ngành vào bài tập nhóm và sản phẩm cuối học phần của các em thường có chiều sâu hơn so với mặt bằng chung.

3.5.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá

Qua quan sát, tác giả nhận thấy không ít SV học các môn KHXH&NV theo kiểu đối phó. Muốn khắc phục, phương pháp giảng dạy và cách đánh giá kết quả học tập cần điều chỉnh theo hướng chú trọng năng lực thực hành: 1) *Tăng cường học tập trải nghiệm*: đưa các nghiên cứu tình huống thực tế từ doanh nghiệp và xã hội vào bài giảng; 2) *Thay đổi kiểm tra, đánh giá*: giảm thi học thuộc lòng, ưu tiên bài tập nhóm, dự án cộng đồng hoặc nhật ký phản tư (reflective journal) để đo khả năng phân tích, giải quyết một vấn đề cụ thể, thay vì chỉ đo lường thông tin SV tiếp thu được (Crawley et al., 2014).

3.5.3. Phát triển đội ngũ và môi trường học thuật liên ngành

Giảng viên là người có vai trò quan trọng trong định hướng nhận thức và thái độ học tập của SV. Việc đổi mới tại ĐHBK Hà Nội cần có lộ trình phù hợp với năng lực người học và chương trình đào tạo: *giảng dạy phối hợp* (team-teaching), khuyến khích giảng viên KHXH&NV cùng đứng lớp với giảng viên chuyên ngành kỹ thuật trong một số học phần để SV có được góc nhìn đa chiều; *nghiên cứu liên ngành*: ưu tiên các đề tài nghiên cứu kết hợp giữa kỹ thuật và khoa học xã hội tập trung giải quyết các vấn đề xã hội đương đại gắn với công nghệ - phù hợp với định hướng đổi mới chương trình đào tạo tại ĐHBK Hà Nội (Đại học Bách khoa Hà Nội, 2020).

3.5.4. Tăng cường kết nối với doanh nghiệp và cựu sinh viên

Nhà trường nên đẩy mạnh mở rộng kết nối với doanh nghiệp và mạng lưới cựu SV qua các buổi tọa đàm, hội thảo định hướng nghề nghiệp. Những chia sẻ, trải nghiệm từ người đi trước sẽ giúp SV hiểu rõ tầm quan trọng của kỹ năng mềm từ đó có thái độ học tập chủ động hơn ngay từ năm thứ nhất.

4. Kết luận

Đối chiếu giữa cơ sở lý luận và kết quả khảo sát tại ĐHBK Hà Nội cho thấy khối kiến thức KHXH&NV có ý nghĩa rõ rệt trong việc hình thành năng lực toàn diện cho SV kỹ thuật, trang bị cho các em tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, đạo đức nghề nghiệp và sự thấu hiểu yếu tố con người. Đây là nền tảng để giải quyết các bài toán công nghệ gắn liền với phát triển bền vững. Các môn học này tác động trực tiếp đến thái độ nghề nghiệp và nhận thức xã hội của SV. Bên cạnh tư duy phản biện, SV còn tích lũy thêm kỹ năng thích ứng và ý thức trách nhiệm, những yếu tố then chốt khi bước vào môi trường lao động hiện đại. Với SV năm thứ nhất, việc bố trí các học phần này ở giai đoạn đại cương giúp các em

sớm làm quen với phương pháp học ở bậc đại học, đồng thời có thêm cơ sở để định hướng quá trình học tập và phát triển bản thân trong những năm học tiếp theo. Vì vậy, tăng cường khối kiến thức này là hướng đi tất yếu. Có như vậy, chương trình đào tạo mới cho ra lò những kỹ sư giỏi chuyên môn và đủ sức va chạm với môi trường làm việc thực tế.

Tài liệu tham khảo

- Biggs, J., & Tang, C. (2011). *Teaching for quality learning at university*, 4th ed., McGraw-Hill Education. Maidenhead.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*
- Crawley, E. F., Malmqvist, J., Östlund, S., Brodeur, D. R., & Edström, K. (2014). *Rethinking engineering education: The CDIO approach*, 2nd ed., Springer, Cham.
- Đại học Bách khoa Hà Nội (2020). *Đề án đổi mới chương trình giáo dục đại cương* (Tài liệu lưu hành nội bộ).
- National Academy of Engineering (2004). *The engineer of 2020: Visions of engineering in the new century*. National Academies Press, Washington, DC.
- OECD (2019). *Future of education and skills 2030*. OECD Publishing.
- Phạm Tất Dong (2010). *Giáo dục giá trị và giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Sheppard, S. D., Macatangay, K., Colby, A., & Sullivan, W. M. (2009). *Educating engineers: Designing for the future of the field*. Jossey-Bass, San Francisco.
- Trần Khánh Đức (2014). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- UNESCO (2015). *Rethinking education: Towards a global common good?*. UNESCO Publishing.
- Vest, C. M. (2008). Context and challenge for twenty-first century engineering education. *Journal of Engineering Education*, 97(3), 235-236.
-

MỘT SỐ KỸ THUẬT TIẾP CẬN NGƯỜI ĐUỐI NƯỚC...

Tiếp theo trang 100

3. Kết luận

Muốn nâng cao chất lượng giảng dạy môn Bơi lội và duy trì phát triển hoạt động bơi cứu đuối của nhà trường một cách hiệu quả cần có nhiều giải pháp đồng bộ và quan trọng nhất là phải có sự phối hợp hài hòa giữa các giải pháp thì chất lượng giảng dạy môn Bơi lội tại Trường Cao đẳng an ninh nhân dân I mới ngày càng phát triển và có chất lượng tốt hơn. Đây cũng là vấn đề thực hiện nhiệm vụ giáo dục con người toàn diện mà Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm. Bơi cứu đuối là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo thể chất và nghiệp vụ của các trường CAND, góp phần trang bị cho HV những kiến thức, kỹ năng và bản lĩnh cần thiết để thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân. Trong đó các kỹ thuật tiếp cận người đuối nước giữ vai trò quyết định. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm của đội ngũ GV và sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, tác giả tin tưởng chất lượng của môn Bơi lội trong nhà trường nói chung trong những năm tới sẽ có nhiều đổi mới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công an (2019). *Giáo trình Giáo dục thể chất và Võ thuật Công an nhân dân: Phần bơi và cứu hộ dưới nước* [Giáo trình lưu hành nội bộ].
- Bộ Công an (2020a). *Chỉ thị số 12/CT-BCA ngày 20/10/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA ngày 28/10/2014 của Đảng ủy Công an Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân*.
- Bộ Công an (2020b). *Thông tư số 106/2020/TT-BCA ngày 8/10/2020 quy định chế độ rèn luyện thể lực trong Công an nhân dân*.
- Cục Thể dục thể thao (2015). *Giáo trình bơi lội*. NXB Thể dục thể thao.
- Đảng ủy Công an Trung ương (2014). *Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA ngày 28/10/2014 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân*.
- Nguyễn Duy Hải, Trương Ngọc Quỳnh (2020). *Hướng dẫn kỹ thuật tập luyện môn Bơi lội*. NXB Thể dục thể thao.
- Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội (2021). *Giáo trình Bơi lội*. NXB Thể dục thể thao.
- Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh (2018). *Giáo trình Bơi cứu đuối*. NXB Thể dục thể thao.